

Số: /KH-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH
Về việc kiểm tra công tác cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 3638/KH-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh Gia Lai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Gia Lai.

- Đánh giá vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ công tác CCHC; chất lượng công tác tham mưu, phối hợp trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Kịp thời chỉ ra những tồn tại, tiếp thu các khó khăn, vướng mắc và xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm để đề xuất các giải pháp tháo gỡ, khắc phục nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác CCHC của tỉnh.

- Thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá, xếp hạng Chỉ số CCHC năm 2024.

2. Yêu cầu

- Hoạt động kiểm tra phải nghiêm túc, đúng nội dung theo kế hoạch, bảo đảm khách quan, không làm cản trở hoạt động thường xuyên của cơ quan, địa phương được kiểm tra.

- Qua kiểm tra đánh giá được những ưu điểm và những mặt còn tồn tại, hạn chế cần khắc phục. Có kết luận cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời đề xuất, kiến nghị hướng xử lý các vấn đề được phát hiện. Những kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được các cơ quan, địa phương thực hiện nghiêm túc và báo cáo kết quả khắc phục, chấn chỉnh. Trong trường hợp cần thiết có thể thực hiện việc phúc tra, tái kiểm tra đối với các cơ quan, địa phương.

- Các cơ quan, địa phương được kiểm tra có trách nhiệm cử công chức phối hợp với Đoàn kiểm tra; cung cấp đầy đủ thông tin và hồ sơ theo yêu cầu kiểm tra.

II. NỘI DUNG, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra (*kiểm tra công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, các nội dung CCHC quy định tại Quyết định số 602/QĐ-UBND và các nội dung công tác CCHC khác có liên quan*)

a) Kiểm tra theo kế hoạch trực tiếp tại các cơ quan, địa phương

- Công tác chỉ đạo điều hành CCHC (bao gồm trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương trong công tác CCHC và việc thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao);

- Cải cách thể chế;

- Cải cách thủ tục hành chính (TTHC);

- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính;

- Cải cách chế độ công vụ;

- Cải cách tài chính công;

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

- Một số nội dung khác: Kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát liên quan đến công tác CCHC và kết quả đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh và của cơ quan, địa phương năm 2023.

b) Kiểm tra đột xuất

- Việc triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền CCHC; việc triển khai giao việc và theo dõi, đốc đốc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Việc công bố, công khai, niêm yết TTHC; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC và tổ chức thực hiện các quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP¹, việc khắc phục những hạn chế được chỉ ra sau kiểm tra theo kế hoạch (nếu có); việc thực hiện quy định bãi bỏ yêu cầu nộp, xuất trình Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, giấy xác nhận cư trú khi thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công.

- Việc chấp hành giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện quy chế làm việc.

- Việc quản lý, sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, hệ thống email công vụ; việc thực hiện gửi, nhận, xử lý văn bản điện tử theo quy trình qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; việc thực hiện ký số lãnh đạo và ký số cơ quan đối với văn bản phát hành (trừ văn bản mật).

¹ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị của các đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát liên quan đến công tác CCHC, cải cách TTHC tại cơ quan, địa phương (nếu có); kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế liên quan đến công tác CCHC theo kết quả đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh, của cơ quan, địa phương năm 2023.

2. Thời hạn kiểm tra

Thời hạn kiểm tra từ ngày **12/12/2022** đến thời điểm kiểm tra. Trong đó, tập trung kiểm tra kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan, địa phương trong năm 2024 và kết quả khắc phục các tồn tại, hạn chế qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát liên quan đến công tác CCHC và kết quả đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh và của cơ quan, địa phương năm 2023.

3. Phương pháp kiểm tra

a) Đoàn kiểm tra

- Làm việc trực tiếp với lãnh đạo các cơ quan, địa phương được kiểm tra và các tổ chức, cá nhân liên quan để đánh giá tình hình, kết quả liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Yêu cầu các cơ quan, địa phương được kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ, báo cáo có liên quan để phục vụ kiểm tra;

- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra; Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

b) Cơ quan, địa phương được kiểm tra

- Báo cáo bằng văn bản về tình hình và kết quả triển khai công tác CCHC theo đề cương hướng dẫn của Đoàn kiểm tra (*có đề cương báo cáo kèm theo*);

- Cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, hồ sơ, báo cáo có liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra (*trừ những thông tin, tài liệu quản lý theo chế độ mật*).

III. CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Kiểm tra theo kế hoạch

STT	Tên cơ quan, địa phương	Thời gian kiểm tra
I	Sở, ban, ngành	Từ tháng 5 đến tháng 7/2024 (<i>mỗi cơ quan, địa phương kiểm tra trong 02 ngày</i>)
1	Sở Công thương	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Sở Xây dựng	
5	Sở Y tế	
II	UBND huyện, thị xã, thành phố	
1	UBND thành phố Pleiku	

2	UBND thị xã Ayun Pa	
3	UBND huyện Chư Prông	
4	UBND huyện Đak Pơ	
5	UBND huyện Kbang	
6	UBND huyện Đức Cơ	
7	UBND huyện Mang Yang	
8	UBND huyện Phú Thiện	

2. Kiểm tra đột xuất

Các thành viên Đoàn kiểm tra thường xuyên theo dõi tình hình công tác CCHC của các cơ quan, địa phương theo lĩnh vực được phân công phụ trách. Chủ động đề xuất Trưởng đoàn kiểm tra CCHC thực hiện kiểm tra đột xuất một số cơ quan, địa phương khi cần thiết.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra;
- Chủ trì, tổ chức triển khai công tác kiểm tra; thông báo cụ thể thời gian, địa điểm kiểm tra của Đoàn kiểm tra; mời Báo Gia Lai, Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh cử phóng viên tham dự, đưa tin tuyên truyền về công tác CCHC tại một số cơ quan, địa phương được kiểm tra;
- Bảo đảm phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ công tác kiểm tra (*bổ trí từ nguồn kinh phí phục vụ công tác CCHC được UBND tỉnh phân bổ năm 2024*);
- Thông báo kết quả kiểm tra, kiến nghị xử lý; phối hợp các sở, ngành liên quan đề xuất UBND tỉnh chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót và kiến nghị, đề xuất các giải pháp đề tăng cường, đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác CCHC trên địa bàn tỉnh;
- Theo dõi, đôn đốc, báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra hoặc kết luận kiểm tra tại các cơ quan, địa phương;
- Tổng hợp kết quả kiểm tra tại các cơ quan, địa phương báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ngành: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh

- Căn cứ vào các nội dung của Kế hoạch kiểm tra chuẩn bị nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ngành để làm việc với các cơ quan, địa phương được kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn;
- Cử công chức tham gia thành viên Đoàn kiểm tra để kiểm tra các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của sở, ngành; chỉ đạo công chức được

phân công sắp xếp công việc và thời gian để tham gia Đoàn kiểm tra theo lịch kiểm tra đề ra.

- Sau khi kết thúc đợt kiểm tra, các sở, ngành có trách nhiệm chỉ đạo công chức được phân công tham gia Đoàn kiểm tra tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo lĩnh vực phụ trách (gồm kết quả kiểm tra; đánh giá cụ thể ưu điểm và tồn tại, hạn chế của từng cơ quan, địa phương được kiểm tra; đề xuất, kiến nghị đối với UBND tỉnh) gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

3. Cơ quan, địa phương được kiểm tra

- *Cơ quan, địa phương được kiểm tra theo kế hoạch:* Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC của cơ quan, địa phương theo đề cương và gửi về Sở Nội vụ ***trước thời điểm Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra 15 ngày.***

- Phối hợp và tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị; báo cáo kết quả thực hiện; chấn chỉnh, khắc phục kịp thời các thiếu sót trong công tác CCHC để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác này, kể cả kiến nghị xử lý trách nhiệm cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2024. Các cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trương Hải Long

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính phục vụ

Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024

(Số liệu báo cáo tính từ ngày 12/12/2022 đến thời điểm kiểm tra)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Báo cáo, đánh giá khái quát kết quả triển khai công tác CCHC của cơ quan, địa phương. Việc quán triệt, triển khai các nội dung, mục tiêu công tác CCHC của Chính phủ, của tỉnh và của cơ quan, địa phương. Các hoạt động nổi bật trong công tác CCHC của cơ quan, địa phương.

(Thống kê thông tin, số liệu theo Biểu số 1 tại Phụ lục kèm theo)

II. CẢI CÁCH THỂ CHẾ

1. Về chỉ đạo, điều hành xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL); theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Chỉ đạo triển khai các kế hoạch của UBND/Chủ tịch UBND tỉnh triển khai công tác pháp chế; công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh Gia Lai²; công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai³ (nêu rõ hình thức chỉ đạo và các văn bản triển khai: Quyết định, kế hoạch, công văn,...).

b) Việc bố trí nhân lực, kinh phí thực hiện công tác.

c) Kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Công tác xây dựng VBQPPL

a) Xây dựng VBQPPL:

- Thống kê thông tin, số liệu theo **Biểu số 2a** tại Phụ lục kèm theo.

- Đánh giá chất lượng công tác xây dựng VBQPPL; Việc tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm

² Kế hoạch số 3045/KH-UBND ngày 26/12/2022, Kế hoạch số 3639/KH-UBND ngày 26/12/2023.

³ Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 25/01/2024, Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 18/01/2023.

2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Xây dựng văn bản quy định chi tiết thi hành VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên:

- Thống kê thông tin, số liệu theo **Biểu số 2b** tại Phụ lục kèm theo.

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết; tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết; tính khả thi của văn bản quy định chi tiết.

c) Công tác kiểm tra, xử lý văn bản:

- Thống kê thông tin, số liệu theo **Biểu số 2c** tại Phụ lục kèm theo.

- Đánh giá hậu quả, tác hại do văn bản trái pháp luật gây ra (nếu có) và biện pháp khắc phục; việc xem xét xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, người có liên quan trong việc tham mưu soạn thảo văn bản trái pháp luật (đánh giá đối với từng văn bản).

d) Rà soát, xử lý VBQPPL: Thống kê thông tin, số liệu theo **Biểu số 2d** tại Phụ lục kèm theo.

e) Công tác hệ thống hóa VBQPPL: Kết quả triển khai công tác hệ thống hóa VBQPPL kỳ 2019-2023.

f) Xây dựng chuyên mục “Lấy ý kiến đối với việc thực hiện các VBQPPL do HĐND, UBND ban hành” trên Cổng/Trang thông tin điện tử⁴

- Trích dẫn đường link chuyên mục trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

- Số liệu văn bản cập nhật, đăng tải trên chuyên mục.

- Kết quả tổng hợp, xử lý kiến nghị, phản ánh về VBQPPL của HĐND, UBND được gửi qua chuyên mục.

3. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 189/KH-UBND, Kế hoạch số 159/KH-UBND, cụ thể:

a) Kết quả thu thập, tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Kết quả kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều

⁴ Theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2059/UBND-NC ngày 19/9/2019 về việc thực hiện Chỉ số Cải cách hành chính của tỉnh trong lĩnh vực “Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL”; hướng dẫn tại Văn bản số 1416/STTTT-CNTT ngày 05/11/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện chuyên mục “Lấy ý kiến đối với việc thực hiện các VBQPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành”.

1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP).

c) Kết quả thực hiện điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

d) Tình hình xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP).

e) Kết quả ban hành danh mục VBQPPL thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành; việc phổ biến, tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý; báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

III. CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC

Báo cáo, đánh giá tình hình triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC. Những kết quả nổi bật đạt được (việc rà soát, đánh giá TTHC; về kết quả giải quyết hồ sơ; việc niêm yết, công khai TTHC; tình hình phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức; chất lượng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công).

2. Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Báo cáo, đánh giá công tác kiện toàn Bộ phận Một cửa; việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Những kết quả đạt được và chưa đạt được trong việc thực hiện liên thông TTHC; việc đưa TTHC ngành dọc thực hiện tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa.

(Thống kê thông tin, số liệu theo Biểu số 3 tại Phụ lục kèm theo)

IV. CẢI CÁCH BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

Báo cáo, đánh giá khái quát kết quả thực hiện; những nội dung đạt được và khó khăn, vướng mắc:

- Tình hình triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thời gian qua; kế hoạch sắp xếp trong thời gian đến; việc rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Tình hình thành lập, kiện toàn, sắp xếp các tổ chức phối hợp liên ngành do lãnh đạo UBND tỉnh là người đứng đầu theo phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực (đối với sở, cơ quan ngang sở) hoặc do lãnh đạo UBND cấp huyện là người đứng đầu (đối với cấp huyện).

- Tình hình triển khai xây dựng đề án hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; việc sắp xếp cơ

cầu lãnh đạo, quản lý so với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở; thực hiện các quy định về phân cấp quản lý.

(Thông kê thông tin, số liệu theo Biểu số 4 tại Phụ lục kèm theo)

V. CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

Báo cáo, đánh giá khái quát kết quả đạt được, những khó khăn, vướng mắc:

- Trong việc bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức theo khung năng lực, vị trí việc làm bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn quy định; công tác tuyển dụng công chức, viên chức; việc chuyển ngạch, nâng ngạch công chức, thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Tình hình thực hiện công tác bổ nhiệm, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; việc chuyển đổi vị trí công tác công chức, viên chức.

(Thông kê thông tin, số liệu theo Biểu số 5 tại Phụ lục kèm theo)

VI. CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

Báo cáo, đánh giá chung tình hình triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ cải cách tài chính công. Tập trung phân tích đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính; việc thực hiện công tác giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Việc triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ,...

(Thông kê thông tin, số liệu theo Biểu số 6 tại Phụ lục kèm theo)

VII. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

Báo cáo, đánh giá chung về kết quả, thành tựu và tồn tại, hạn chế trong:

- Công tác đầu tư hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (tỷ lệ trang thiết bị, máy tính, phần mềm,...); công tác bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

- Việc kết nối, ứng dụng các nền tảng chia sẻ dữ liệu, mạng xã hội trong hoạt động của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; việc sử dụng các nền tảng công nghệ đã được đầu tư (email công vụ; quản lý văn bản điều hành; một cửa điện tử; chữ ký số;...).

- Tình hình xử lý hồ sơ TTHC trên môi trường mạng; việc thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; việc thanh toán trực tuyến.

- Tình hình cung cấp, công khai thông tin theo quy định pháp luật.

(Thông kê thông tin, số liệu theo Biểu số 7 tại Phụ lục kèm theo)

VIII. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT TRONG TRIỂN KHAI CCHC

1. Thuận lợi.
2. Khó khăn và nguyên nhân.
3. Kiến nghị, đề xuất

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Bộ Nội vụ, UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan để đẩy mạnh CCHC trong thời gian tới.

LUU Ý: Nội dung báo cáo đánh giá cần khái quát, bám sát theo Đề cương, thống kê, đánh giá đầy đủ thông tin, số liệu theo các biểu mẫu kèm theo.